

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 625/TTr-TNMT ngày 21/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Đại Quang Chemistry Vina, địa chỉ tại lô 15, 17 (thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần thép Việt Úc), cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà xưởng sản xuất hoá chất Đại Quang”, địa chỉ tại lô 15, 17 (thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần thép Việt Úc), cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà xưởng sản xuất hoá chất Đại Quang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 15, 17 (thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần thép Việt Úc), cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2400941083 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/6/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 29/6/2022.

1.4. Mã số thuế: 2400941083

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Thực hiện sản xuất, pha chế các loại hoá chất sau:
 - + Sản xuất và pha chế hóa chất xử lý bề mặt nhôm;
 - + Sản xuất và pha chế hóa chất xử lý bề mặt kim loại khác;
 - + Sản xuất và pha chế hóa chất hoạt động bề mặt;
 - + Sản xuất và pha chế hóa chất xử lý nước thải;
- Thực hiện kinh doanh buôn bán các loại hoá chất theo mã ngành đăng ký.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô 15, 17 (thuê nhà xưởng của Công ty cổ phần Thép Việt Úc), cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với diện tích 1.260,99 m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- + Sản xuất và pha chế hóa chất xử lý bề mặt nhôm khoảng 795 tấn/năm;
- + Sản xuất và pha chế hóa chất xử lý bề mặt kim loại khác khoảng 1209 tấn/năm;
- + Sản xuất và pha chế hóa chất hoạt động bề mặt khoảng 160 tấn/năm;
- + Sản xuất và pha chế hóa chất xử lý nước thải khoảng 230 tấn/năm;

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đại Quang Chemistry Vina được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Đại Quang Chemistry Vina có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đại Quang Chemistry Vina có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành. Các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Yên Dũng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà xưởng sản xuất hoá chất Đại Quang” tại lô 15, 17 (thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần thép Việt Úc), cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Đại Quang Chemistry Vina được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Yên Dũng; UBND xã Nội Hoàng; Công ty TNHH Đại Quang Chemistry Vina và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Bình.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường, do Công ty TNHH Đại Quang Chemistry Vina thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần thép Việt Úc và nước thải sinh hoạt của dự án được Công ty Cổ phần thép Việt Úc xử lý theo hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải ngày 01/7/2022.

Đối với nước thải sản xuất Công ty TNHH Đại Quang Chemistry Vina hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý, không xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

* Nước mưa chảy tràn

- Toàn bộ nước mưa trên mái nhà xưởng được thu gom vào ống nước PVC D200 bố trí dọc hai bên nhà xưởng xuống và chảy vào hệ thống rãnh thoát nước, hố ga thu nước của dự án.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt xung quanh nhà xưởng, sân đường,... được thu gom vào hệ thống rãnh D400x400 có nắp đậy với chiều dài 152m và qua 8 hố ga (kích thước: 1mx1mx1m) với khoảng cách trung bình 15m/hố để lắng cặn sau đó qua cửa xả ra hệ thống thoát nước mưa của cụm công nghiệp (CCN) Nội Hoàng.

* Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn dung tích 15m³, nước thải khu rửa chân tay sau khi xử lý sơ bộ qua thiết bị chắn rác được thu gom bằng đường ống uPVC90 với chiều dài khoảng 5,5m đầu nối vào hố ga của cụm công nghiệp và theo đường cống thu gom nước thải chung của cụm công nghiệp PVC D110 với chiều dài khoảng 155m dẫn đến bể xử lý nước thải của Công ty TNHH Mạo Hối công suất 120m³/ngày.đêm để xử lý sơ bộ và sau đó thu gom qua đường ống PVC D300 với chiều dài 428m vào bể tiền xử lý có công suất 300m³/ngày.đêm và dẫn qua đường ống D300 với chiều dài 350m về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1500m³/ngày.đêm của Công ty Cổ phần thép Việt Úc (đơn vị cho thuê nhà xưởng) để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi thải ra môi trường.

* Nước thải sản xuất: Được dẫn vào bể chứa nước thải có thể tích 01m³ để lưu chứa. Tại bể có lắp đặt hệ thống phao, khi mực nước trong bể chạm phao thì bơm tự động để bơm nước thải vào téc chứa nước thải có thể tích 05m³ được đặt tại khu vực kho chứa chất thải nguy hại. Công ty TNHH Đại Quang Chemistry Vina hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý nước thải sản xuất theo quy định khi téc chứa đầy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

Tóm tắt quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1500m³/ngày.đêm của Công ty Cổ phần thép Việt Úc (đơn vị cho thuê nhà xưởng): Nước thải → bể điều hòa → bể trung hoà → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng bùn hoá lý →bể anoxic → bể hiếu khí → bể lắng sinh học → bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi thải ra môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO
VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn khí thải, hơi hoá chất phát sinh từ công đoạn sản xuất, pha trộn các loại hoá chất.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sản xuất, pha trộn các loại hoá chất.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sản xuất, pha trộn các loại hoá chất. Tọa độ vị trí xả khí thải của dự án: X=2350377, Y= 413151 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 36.000m³/giờ tương đương 288.000m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (thời gian làm việc 08 giờ/ngày)

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/m ³	200	-
2	CO	mg/m ³	1.000	
3	SO ₂	mg/m ³	500	
4	Nitơ oxit, NO _x (cơ sở sản xuất hóa chất) tính theo NO ₂	mg/m ³	1.000	
5	Hơi H ₂ SO ₄ , tính theo SO ₃	mg/m ³	50	
6	Hơi HNO ₃ , tính theo NO ₂	mg/m ³	500	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Tại mỗi bể phản ứng (03 bể) lắp đặt 01 chụp hút kín/bể kích thước 400mmx500mmx400mm bằng nhựa để hút khí vào đường ống dẫn Ø200, chiều dài 2,7m.

- Tại mỗi bể rửa (04 bể) lắp đặt 01 chụp hút hở/bể kích thước 400mmx500mmx400mm bằng nhựa để hút khí vào đường ống dẫn Ø160, chiều dài 3m.

- Ngoài ra còn các hệ thống ống Ø110 với chiều dài 7,3m để thu khí, hơi hóa chất tại các bể phản ứng khác.

Tất cả các dòng khí, hơi hóa chất nêu trên sẽ tiếp tục được thu gom vào đường ống Ø600, Ø500 với tổng chiều dài khoảng 38,2m về hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí, hơi hóa chất: Khí, hơi hóa chất → chụp hút, ống hút khí → tháp xử lý (sử dụng nước, dung dịch NaOH) → ống thoát khí (đạt QCVN 19:2009/BTNMT).

Nước thải từ quá trình xử lý khí thải, định kỳ 2 tuần/1 lần bơm về bể chứa nước thải sản xuất, Công ty TNHH Đại Quang Chemistry Vina hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyên, xử lý nước thải theo quy định.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải: 600 m³/phút tương đương 36.000m³/giờ tương đương 288.000m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH khoảng từ 8lít/ngày đến 10 lít/ngày.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

*** Biện pháp phòng ngừa**

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Trong quá trình vận hành xử lý khí thải cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình vận hành và yêu cầu giám sát. Đào tạo cán bộ chuyên trách vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

*** Biện pháp ứng phó**

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 11/2022 đến tháng 3/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí, hơi hoá chất.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại van trích ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sản xuất, pha trộn các loại hoá chất

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.3. Tần suất lấy mẫu

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn hiệu chỉnh hiệu suất			
1	01 vị trí tại van trích ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sản xuất, pha trộn các loại hoá chất.	Bụi tổng, CO, SO ₂ , Nitơ oxit NO _x (cơ sở sản xuất hóa chất) (tính theo NO ₂); Hơi H ₂ SO ₄ , tính theo SO ₃ ; Hơi HNO ₃ , tính theo NO ₂ .	- Tiến hành lấy mẫu tổ hợp tần suất 15 ngày/1 lần. Lấy mẫu trong vòng 75 ngày. Thời gian dự kiến như sau: Lần 1: Ngày 20/11/2022 Lần 2: Ngày 05/12/2022 Lần 3: Ngày 20/12/2022 Lần 4: Ngày 04/01/2023 Lần 5: Ngày 19/1/2023	QCVN 19:2009/BTNMT
II	Giai đoạn vận hành ổn định			
1	01 vị trí tại van trích ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sản xuất, pha trộn các loại hoá chất.	Bụi tổng, CO, SO ₂ , Nitơ oxit NO _x (cơ sở sản xuất hóa chất) (tính theo NO ₂); Hơi H ₂ SO ₄ , tính theo SO ₃ ; Hơi HNO ₃ , tính theo NO ₂ .	- Tiến hành lấy mẫu đơn 01 ngày/1 lần. Thời gian dự kiến như sau: Lần 1: Ngày 25/2/2023 Lần 2: Ngày 26/2/2023 Lần 3: Ngày 27/2/2023	QCVN 19:2009/BTNMT

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

01 vị trí giữa dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất. Tọa độ: X=2350356; Y= 413147 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	1,4m/s ² (103dB)	1,4m/s ² (103dB)	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành, giảm tiếng ồn và giảm rung. Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng sẽ được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

- Bố trí các loại máy móc có tiếng ồn cao trong các khu vực khép kín, phòng riêng, lắp đặt chân đệm cao su giảm rung động, ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất; có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

- Lắp đặt các tấm đệm chống rung tại các thiết bị có cường độ hoạt động nhiều.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2022 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/tháng)
1	Giẻ lau nhiễm dầu, hóa chất	5
2	Dầu máy tổng hợp thải	3
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	1
4	Hộp mực in, photo có chứa các thành phần nguy hại	0,5
5	Pin/ắc quy chì thải	1
6	Can, thùng chứa hóa chất	450
7	Nước thải sản xuất	10.010
Tổng		10.470,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 15 kg/ngày, chủ yếu là các loại chất thải giấy vụn, bìa carton,...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 25kg/ngày tương đương 650 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 5 thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, có dung tích từ 100 lít/thùng đến 240 lít/thùng để lưu chứa chất thải nguy hại (CTNH). Mỗi loại chất thải sẽ được lưu giữ trong một thùng riêng biệt, bên ngoài mỗi thùng chứa CTNH có dán dấu hiệu cảnh báo CTNH theo đúng quy định như tên CTNH, mã CTNH, dấu hiệu cảnh báo CTNH.

- Đối với nước thải sản xuất: Được dẫn vào bể chứa nước thải có thể tích là 1m³ để lưu chứa. Tại bể có lắp đặt hệ thống phao, khi mực nước trong bể chạm phao thì bơm tự động để bơm nước thải vào téc chứa nước thải có thể tích 5m³ đặt tại kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 15m² đặt bên ngoài xưởng sản xuất.

- Thiết kế cấu tạo của kho: Có mái che kín, tường tôn bao xung quanh, có cửa ra vào có biển báo, xung quanh xây gờ chống tràn cao 7cm (so với nền kho), bên trong kho có hố thu gom chất thải có kích thước 30cmx30cmx20cm.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 05 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 200 lít/thùng tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Diện tích kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 6,56m² đặt bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có mái che, tường tôn, có cửa ra vào.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 02 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 25 lít/thùng tại các khu vực nhà vệ sinh, 03 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 60 lít/thùng tại khu vực văn phòng, nhà ăn.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

Không bố trí kho/khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2022 của UBND tỉnh)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 625/TTr-TNMT ngày 21/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.